



S18/S9/S98 Series

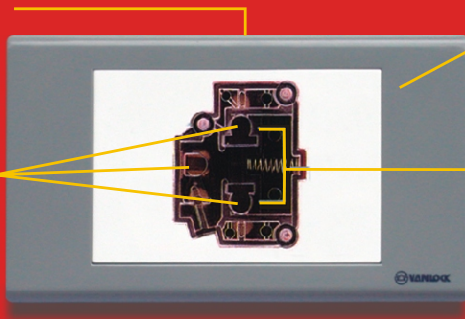


BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN

Price List

Đế ổ cắm làm bằng nhựa Polyamide chống cháy - nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh)

Thiết kế hoàn hảo - đồng hợp kim có độ đàn hồi cao, tiếp xúc chắc chắn, chống mô-ve, đảm bảo số lần cắm phích/ rút phích ở chế độ 16A-220V trên 20.000 lần



Nhựa Polycarbonate chịu lửa, chịu va đập, là vật liệu cách điện tiên tiến nhất, không lão hoá dưới tác dụng của từ trường dòng điện

Nắp che an toàn bằng nhựa Polyamide có tăng cường độ gia cường chịu lực

Nắp công tắc làm bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập- không lão hoá dưới tác dụng của từ trường dòng điện

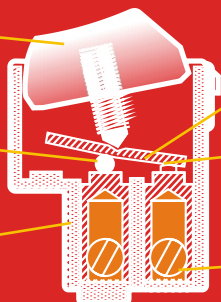
Trục trượt mạ bạc - tiếp xúc tốt

Bản trượt phủ lớp hợp chất Ôxit Cadimi-Bạc ($AgCdO_{12}$) bằng công nghệ ép nóng tiên tiến nhất hiện nay

Tiếp điểm hợp kim Ôxit Cadimi-Bạc ($AgCdO_{12}$) đảm bảo theo tiêu chuẩn 40.000 lần tắt/ bật

Vít đồng đầu tròn tránh hiện tượng đứt dây khi xiết

Đế công tắc làm bằng nhựa Polyamide chống cháy - nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh)



An toàn cho trẻ . Vẻ đẹp cho bạn



2010CM
KEM SỮA
Warm Cream



2010DS
CÁT SA MẶC
Desert Sand



2010TQ
XANH NGỌC
Turquoise



2010PS
HỒNG NHẠT
Pale Salmon



2010BY
CA CAO SỮA
Burgundy



2010SH
ÁNH BẠC
Silver Shadow



2010YL
VÀNG NHẠT
Bright Yellow



2010MN
TRẮNG MỘC LAN
Magnolia



2010NU
NÂU
Nutmeg Brown



2010GY
XÁM BĂNG
Cold Grey



2010DB
XANH DƯƠNG
Dark Blue



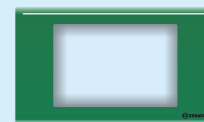
2010DG
XÁM ĐẬM
Dark Grey



2010SG
XÁM NHẠT
Soft Grey



2010RD
ĐỎ RỰC
Hot Red



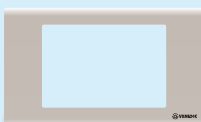
2010GR
XANH LÁ CÂY
Fresh Green



2010BK
ĐEN NHẢNH
Glossy Black



2010BU
XANH DA TRỜI
Sky Blue



2010RG
GHI HỒNG
Red Grey



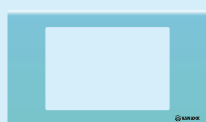
2010MC
CÀ PHÊ SỮA
Milk Coffee



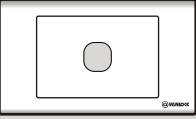
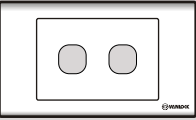
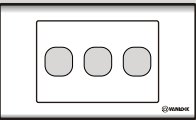
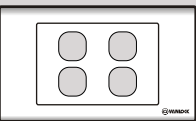
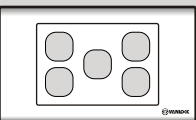
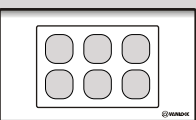
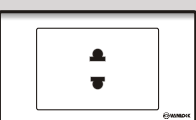
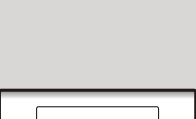
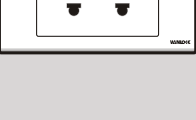
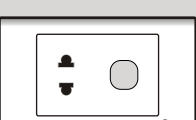
2010MC
GẠCH ITALY
Red Brown

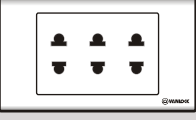
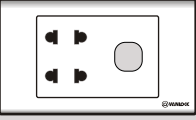
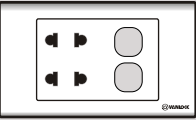
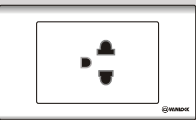
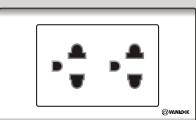
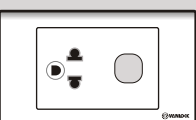
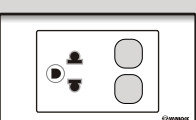


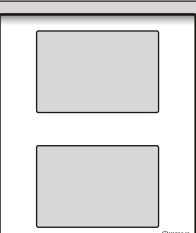


2010GN
NGỌC
Ghost Green

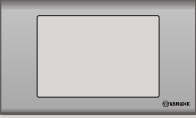

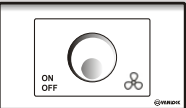
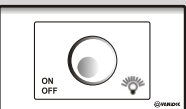

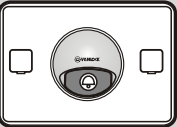

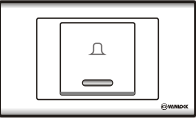


2010PG
XANH HOÀ BÌNH
Peace Green

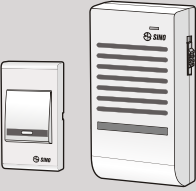

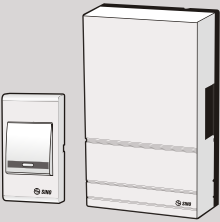

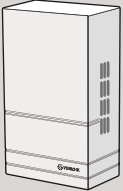
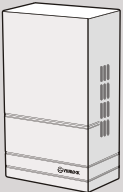

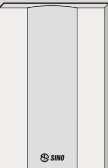
KIỂU DÁNG Drawing	MÃ SỐ Cat.No	DIỄN GIẢI Description	ĐƠN GIÁ (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S18 - SWITCHES & SOCKETS, S18 TYPE			
	S181/X	MẶT 1 LỖ 1 Gang Plate	10.200
	S182/X	MẶT 2 LỖ 2 Gang Plate	10.200
	S183/X	MẶT 3 LỖ 3 Gang Plate	10.200
	S184/X	MẶT 4 LỖ 4 Gang Plate	14.200
	S185/X	MẶT 5 LỖ 5 Gang Plate	14.500
	S186/X	MẶT 6 LỖ 6 Gang Plate	14.500
	S18U	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Single Socket	26.800
	S18U2	Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Double Socket	40.500
	S18U2/R	Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A - LOẠI RỜI 16A 2 Pin Double Socket - Module Type	40.500
	S18UX	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	32.800
	S18UXX	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gang	32.800




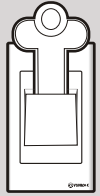
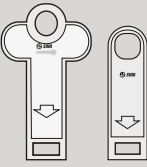
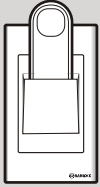


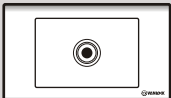
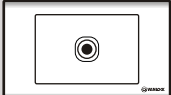
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S18 - SWITCHES & SOCKETS, S18 TYPE			
	S18U3	3 Ổ CẮM 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Triple Socket	49.800
	S18U2X	2 Ổ CẮM 2 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 2 Pin Double Socket W/1 Gang	39.500
	S18U2XX	Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	39.500
	S18UE	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A 16A 3 Pin Single Socket	38.000
	S18UE2	Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU 16A 16A 3 Pin Double Socket	51.800
	S18UEX	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	40.200
	S18UEXX	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	40.200
	S18/30X	MẶT CHE TRƠN Blank Plate	10.200
	S18WS	VIỀN ĐƠN TRẮNG White Electric Single Standard Surround	4.100
	S18WD	VIỀN ĐÔI TRẮNG White Double Standard Surround	10.200



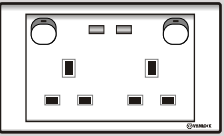

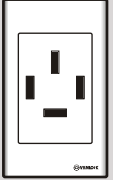
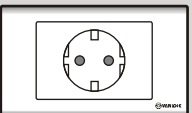

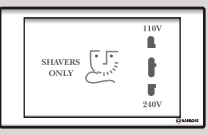


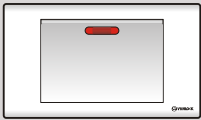


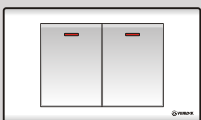

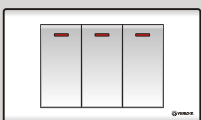
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
	S18/CS	VIÊN ĐƠN MẪU (CÓ 17 MÀU) Full Color Single Standard Surround (17 color)	6.800
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S18-CF - SWITCHES & SOCKETS, S18-CF TYPE			
	S18/301	BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN 500VA-250V LOẠI LIỀN MẶT, TẮT HẸN 500VA/250V Dimmer Mechanism with On-Off Switch	86.400
	S18/302	BỘ ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ QUẠT 400VA-250V LOẠI LIỀN MẶT, TẮT HẸN 400VA/250V Fan Control w/ On-Off Switch	86.400
	S18/303	BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN 1000VA-250V LOẠI LIỀN MẶT, TẮT HẸN 1000VA/250V Dimmer Mechanism with On-Off Switch	112.500
	WBL/V	NÚT CHUÔNG CHỐNG THẨM IP44 CÓ ĐÈN BÁO LOẠI LẮP DỌC Weatherproof Bell Push with Neon - Vertical	38.400
	WBL/H	NÚT CHUÔNG CHỐNG THẨM IP44 CÓ ĐÈN BÁO LOẠI LẮP NGANG Weatherproof Bell Push with Neon - Horizontal	38.400
 	S18/BV	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP DỌC Big Panel Bell Push - Vertical	31.200
	S18/BH	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP NGANG Big Panel Bell Push - Horizontal	31.200
	S18/BV/NR	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP DỌC CÓ ĐÈN BÁO ĐỎ Big Panel Bell Push with Neon (Red) - Vertical	36.000
	S18/BV/NG	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP DỌC CÓ ĐÈN BÁO XANH Big Panel Bell Push with Neon (Green) - Vertical	36.000
	S18/BH/NR	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP NGANG CÓ ĐÈN BÁO ĐỎ Big Panel Bell Push with Neon (Red) - Horizontal	36.000
	S18/BH/NG	NÚT CHUÔNG BẮN RỘNG - LOẠI LẮP NGANG CÓ ĐÈN BÁO XANH Big Panel Bell Push with Neon (Green) - Horizontal	36.000



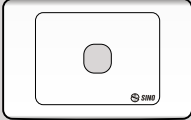
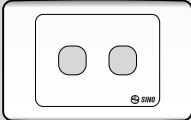
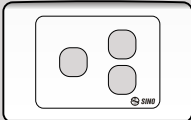
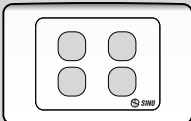
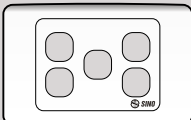
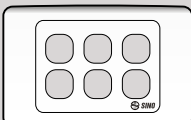
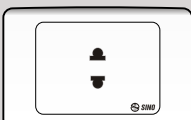
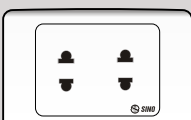
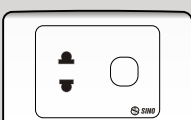
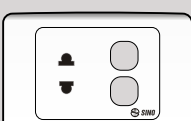
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
CHUÔNG - BELL			
	F108	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG ĐIỆN 220V - 50HZ - KHÔNG DÂY (BÍNH BOONG) 220V - 50Hz Wireless Room Chime	202.000
	F118	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG PIN 2 X 1,5V - KHÔNG DÂY (BÍNH BOONG) 2 x 1.5V Wireless Room Chime	193.000
	L108A	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG ĐIỆN 220V - 50HZ - CÓ DÂY (BÍNH BOONG) 220V - 50Hz Room Chime	143.000
	L118A	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG ĐIỆN 220V - 50HZ - CÓ DÂY (BÍNH BOONG) 220V - 50Hz Room Chime	143.000
	41703	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG ĐIỆN 220V - 50HZ - CÓ DÂY (BÍNH BOONG) 220V - 50Hz Room Chime	77.000
	99743	CHUÔNG BIỆT THỰ DÙNG ĐIỆN 220V - 50HZ (RENG RENG) 220V - 50Hz Door Bell	104.000
	WBM	NÚT NHẤN CHUÔNG - KÍN NƯỚC 300V AC - 1A 300V AC - 1A Weatherproof Push Button	77.000
	41704	CHUÔNG GỌI PHÒNG DÙNG ĐIỆN 220V 50HZ - 3,5W (BÍNH BOONG) 220V 50Hz- 3.5W Door Chime	140.000

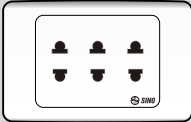
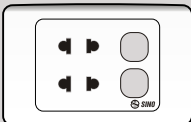

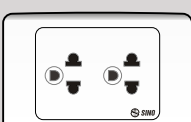
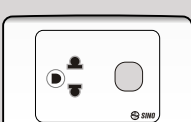
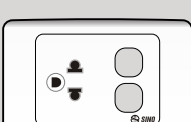



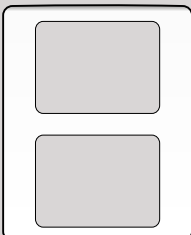
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S18-CF - SWITCHES & SOCKETS, S18-CF TYPE			
	S18BPDM	NÚT CHUÔNG BÁO XIN VỆ SINH PHÒNG VÀ BÁO KHÔNG QUÃY RẦY Bell Push with Indicator "Please Clean Up & Do Not Disturb"	194.400
	S18/501	CÔNG TẮC DÙNG THẺ TỪ 16A - CÓ THỜI GIAN CHẬM 16A Saving Switch with Time Delay with On-Off Switch	288.000
	SKT501	THẺ TỪ 16A 16A Key Card	22.000
	S18KT + SKTA	BỘ CHÌA KHÓA NGẮT ĐIỆN 20A CÓ ĐÈN BÁO - CHÌA KHÓA KIỂU A 250V-20A Key Tag Switch with Neon	238.500
	SKTA	CHÌA KHÓA KIỂU A A Type Key	38.000
	SKTB	CHÌA KHÓA KIỂU B B Type Key	30.000
	S18KT + SKTB	BỘ CHÌA KHÓA NGẮT ĐIỆN 20A CÓ ĐÈN BÁO - CHÌA KHÓA KIỂU B 250V-20A Key Tag Switch with Neon	238.500
	S18/10US	Ổ CẮM 2 CHẤU VÀ 1 Ổ 3 CHẤU KIỂU ÚC 10A 250V 3 Pin Single Australia Socket with 2 Pin Socket	60.200
	S1815N	Ổ CẮM 15A - 3 CHẤU TRÒN KIỂU ANH CÓ CÔNG TẮC 15A 250V 3 Round Pin British Flush Socket with Switch	67.400
	S1815SN	Ổ CẮM 15A - 3 CHẤU TRÒN KIỂU ANH CÓ CÔNG TẮC VÀ ĐÈN BÁO 15A 250V 3 Round Pin British Flush Socket with Switch and Neon	67.400
	S18/31TO	ĐẦU RA DÂY CÁP LIỀN MẶT Wire Outlet with Plate	31.200
	S18/31TB	ĐẦU RA DÂY CÁP VỚI ĐẦU NỐI 25A + MẶT Cable Outlet with 25A Connector + Plate	39.400


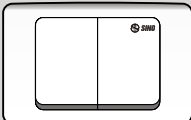
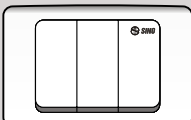

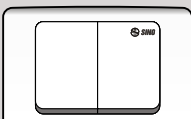


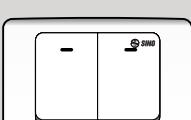
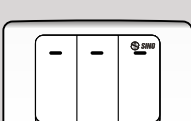
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S18-CF - SWITCHES & SOCKETS, S18-CF TYPE			
	S18/38TB	ĐẦU RA DÂY CÁP VỚI ĐẦU NỐI 25A Cable Outlet with 25A Connector	30.000
	S1813S	Ổ CẮM 13A-250V, 3 CHẤU VUÔNG KIỂU ANH - CÓ CÔNG TẮC 13A - 250V 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch	70.400
	S1813SN	Ổ CẮM 13A-250V, 3 CHẤU VUÔNG KIỂU ANH - CÓ CÔNG TẮC VÀ ĐÈN BÁO 13A - 250V 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon	70.400
	S1825SN	Ổ CẮM ĐÔI 13A-250V, 3 CHẤU VUÔNG KIỂU ANH - CÓ CÔNG TẮC VÀ ĐÈN BÁO 13A - 250V Twin 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon	173.800
	S18HD416	Ổ CẮM 4 DÂY 3 PHA 16A KIỂU MỸ 16A - 4 Pin American Socket	82.800
	S18HD425	Ổ CẮM 4 DÂY 3 PHA 25A KIỂU MỸ 25A - 4 Pin American Socket	101.800
	S18/16	Ổ CẮM "SCHUKO" 2 CHẤU 16A - 250V 16A - 250V 2 Pin & Earth "Schuko" Socket	45.500
	S18/2727V	Ổ CẮM DAO CẠO RÂU 110/240V-20VA CÓ BẢO VỆ QUÁ TẢI - LOẠI DỌC 110/240V-20VA Shaver Sockets with Over Load Cutout - Vertical	574.200
	S18/2727	Ổ CẮM DAO CẠO RÂU 110/240V-20VA CÓ BẢO VỆ QUÁ TẢI - LOẠI NGANG 110/240V-20VA Shaver Sockets with Over Load Cutout - Horizontal	574.200








Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S18-CF - MEGA SWITCHES S18-CF TYPE			
  DELUXE	S181D1 (S181D1/DL)	CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch Big Panel	17.200
	S181N1R (S181N1R/DL)	CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO PHÍM LỚN 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with Neon, Big Panel	24.200
	S181D2 (S181D2/DL)	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 1 Gang 2 Way Switch, Big Panel	22.500
	S181N2R (S181N2R/DL)	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO PHÍM LỚN 10A/250V 1 Gang 2 Way Switch with Neon, Big Panel	29.600
  DELUXE	S182D1 (S182D1/DL)	CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch	21.600
	S182N1R (S182N1R/DL)	CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch with Neon, Big Panel	35.800
	S182D2 (S182D2/DL)	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 2 Gang 2 Way Switch, Big Panel	28.400
	S182N2R (S182N2R/DL)	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO PHÍM LỚN 10A/250V 2 Gang 2 Way Switch with Neon, Big Panel	42.400
  DELUXE	S183D1 (S183D1/DL)	CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 3 Gang 1 Way Switch, Big Panel	30.800
	S183N1R (S183N1R/DL)	CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO PHÍM LỚN 10A/250V 3 Gang 1 Way Switch with Neon, Big Panel	52.200
	S183D2 (S183D2/DL)	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU, PHÍM LỚN 10A/250V 3 Gang 2 Way Switch, Big Panel	43.400
	S183N2R (S183N2R/DL)	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU CÓ ĐÈN BÁO PHÍM LỚN 10A/250V 3 Gang 2 Way Switch with Neon, Big Panel	61.000

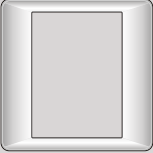





Mã trong ngoặc (...) là loại S18CF-Deluxe






KIỂU DÁNG Drawing	MÃ SỐ Cat.No	DIỄN GIẢI Description	ĐƠN GIÁ (VND) Unit Price
MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S9 - GRID PLATE & SOCKETS, S9 TYPE			
	S91/X	MẶT 1 LỖ 1 Gang Plate	10.200
	S92/X	MẶT 2 LỖ 2 Gang Plate	10.200
	S93/X	MẶT 3 LỖ 3 Gang Plate	10.200
	S94/X	MẶT 4 LỖ 4 Gang Plate	14.200
	S95/X	MẶT 5 LỖ 5 Gang Plate	14.500
	S96/X	MẶT 6 LỖ 6 Gang Plate	14.500
	S9U	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Single Socket	26.800
	S9U2	Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Double Socket	40.500
	S9UX	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	32.800
	S9UXX	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	32.800




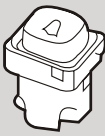

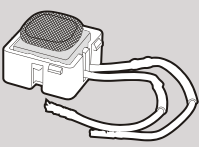

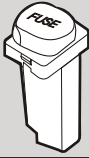

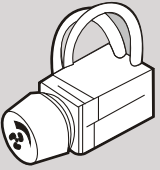
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
	S9U3	3 Ổ CẮM 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Triple Socket	49.800
	S9U2XX	2 Ổ CẮM 2 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	39.500
	S9UE	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A 16A 3 Pin Single Socket	38.000
	S9UE2	Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU 16A 16A 3 Pin Double Socket	51.800
	S9UEX	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	40.200
	S9UEXX	Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A VỚI 2 LỖ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	40.200
	S9/30X	MẶT CHE TRƠN Blank Plate	10.200
	S9XLW	VIỀN ĐƠN TRẮNG White Electric Single Standard Surround	4.100
	S9XLC	VIỀN ĐƠN MÀU (CÓ 17 MÀU) Full Color Single Standard Surround (17 color)	6.800
	S9/WD	VIỀN ĐÔI TRẮNG White Electric Double Surround	10.200

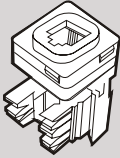
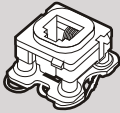
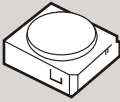
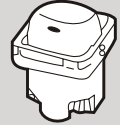
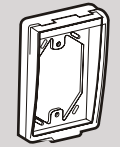
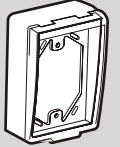
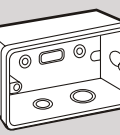
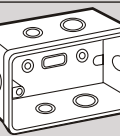
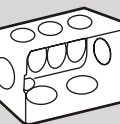
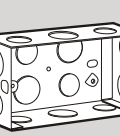
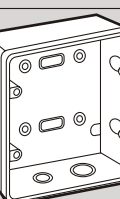
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S9 MEGA - MEGA SWITCHES S9 TYPE			
	S91/1D	CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 1 Gang 1 Way Switch - MEGA Type	23.600
	S92/1D	CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 2 Gang 1 Way Switch - MEGA Type	33.800
	S93/1D	CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 3 Gang 1 Way Switch - MEGA Type	45.500
	S91/2D	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 1 Gang 2 Way Switch - MEGA Type	36.200
	S92/2D	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 2 Gang 2 Way Switch - MEGA Type	60.500
	S93/2D	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V 10A 250V 3 Gang 2 Way Switch - MEGA Type	72.000
	S91/2ND	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 1 Gang 2 Way Switch with Neon - MEGA Type	47.800
	S92/2ND	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 2 Gang 2 Way Switch with Neon - MEGA Type	85.200
	S93/2ND	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU PHÍM LỚN 10A-250V CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 3 Gang 2 Way Switch with Neon - MEGA Type	104.500

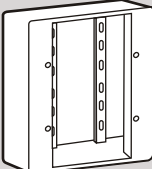
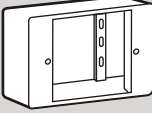
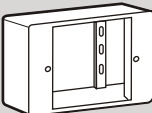
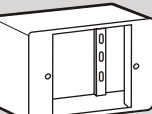
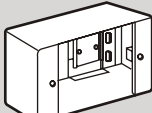
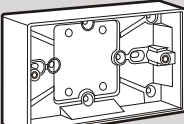
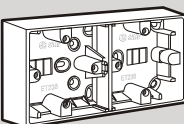
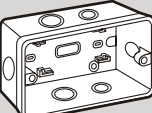
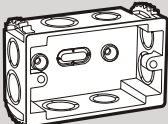
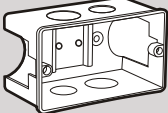
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S98 - SWITCHES & SOCKETS, S98 TYPE			
	S981/X	MẶT 1 LỖ 1 Gang Plate	10.200
	S982/X	MẶT 2 LỖ 2 Gang Plate	10.200
	S983/X	MẶT 3 LỖ 3 Gang Plate	10.200
	S984/X	MẶT 4 LỖ 4 Gang Plate	14.200
	S98U	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Single Socket	26.800
	S98U2	Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A 16A 2 Pin Double Socket	40.500
	S98UX	Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU 16A VỚI 1 LỖ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	32.800

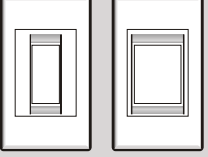
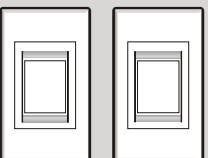
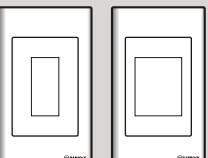
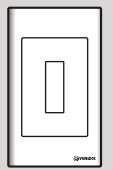
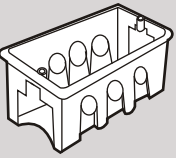
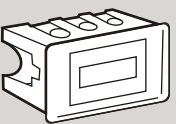
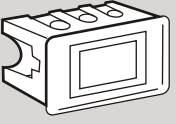
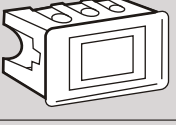
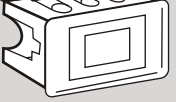
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S98 - SWITCHES & SOCKETS, S98 TYPE			
	S98/WS	VIÊN ĐƠN TRẮNG White Electric Single Standard Surround	4.100
	S98/10US	Ổ CẮM 5 CHẤU KIỂU ÚC 10A 250V 5 Pin Single Australia Socket	60.200
	S9815S	Ổ CẮM 15A - 3 CHẤU TRÒN KIỂU ANH CÓ CÔNG TẮC 15A 250V 3 Round Pin British Flush Socket with Switch	67.400
	S9813S	Ổ CẮM ĐƠN 13A-250V, 3 CHẤU VUÔNG KIỂU ANH - CÓ CÔNG TẮC 13A-250V 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch	70.400
	S981D1	CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 1 Gang 1 Way - Mega Switch	23.600
	S981D2	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 1 Gang 2 Way - Mega Switch	36.200
	S982D1	CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 2 Gang 1 Way - Mega Switch	33.800
	S982D2	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 2 Gang 2 Way - Mega Switch	60.500







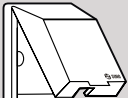

Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM, CÔNG TẮC KIỂU S98 - SWITCHES & SOCKETS, S98 TYPE			
	S983D1	CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 3 Gang 1 Way - Mega Switch	45.500
	S983D2	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN 10A 250V 3 Gang 2 Way - Mega Switch	72.000
	S981N2R	CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 1 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon	47.800
	S982N2R	CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 2 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon	85.200
	S983N2	CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU 10A-250V LOẠI PHÍM LỚN CÓ ĐÈN BÁO NEON 10A 250V 3 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon	104.500
	S98/XIR	CÔNG TẮC TỰ ĐỘNG CẢM ỨNG TIA HỒNG NGOẠI Infrared Faradaic Automatic Switch	280.000



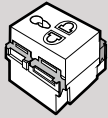
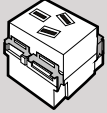
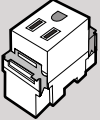
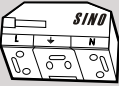
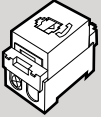
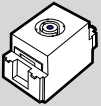
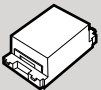
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
PHỤ KIỆN DÙNG VỚI KIỂU S9; S18; S98 - ACCESSORIES FOR S9; S18; S98 TYPE			
	S30/1/2M	CÔNG TẮC 10A - LOẠI 1 CHIỀU 10A 1 Way Switch	7.500
	S30M	CÔNG TẮC 10A - LOẠI 2 CHIỀU 10A 2 Way Switch	13.500
	S30MD20	CÔNG TẮC 20A - LOẠI 2 CỰC 20A Double Pole Switch	54.800
	S30MBP2	NÚT NHẤN CHUÔNG 3A 3A Bell Push Switch	20.600
	S30MBPN	NÚT NHẤN CHUÔNG 3A CÓ ĐÈN BÁO ĐỎ 3A Bell Push Switch with Neon (Red)	25.800
	S30NRD	ĐÈN BÁO ĐỎ 220V Neon Indicator (Red) 220V	13.800
	S30NGN	ĐÈN BÁO XANH 220V Neon Indicator (Green) 220V	13.800
	S30NRD/W	ĐÈN BÁO ĐỎ 220V - CÓ DÂY ĐẦU SẴN Neon Indicator (Red) 220V - C/w Wiring	11.500
	S30NGN/W	ĐÈN BÁO XANH 220V - CÓ DÂY ĐẦU SẴN Neon Indicator (Green) 220V - C/w Wiring	11.500
	S30TV75MS	Ổ CẮM TV 75 OHM 75 Ohm TV Socket	33.800
	SSTD	HẠT CẦU CHÌ ỐNG 10A 10A Tube Fuse	25.200
	FTD	ỐNG CẦU CHÌ 250V - 5A, 10A, 15A 5A, 10A, 15A - 250V Fuse Tube	7.600
	S400VX	BỘ ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ QUẠT 400VA - LOẠI TẮT HẸN DẠNG HẠT RỜI DÙNG ĐỂ GẮN VÀO MẶT 400VA Fan Control Mechanism - W/ Switch	85.200
	S500VX	BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN 500W - LOẠI TẮT HẸN DẠNG HẠT RỜI DÙNG ĐỂ GẮN VÀO MẶT 500W Dimmer Mechanism - W/ Switch	85.200
	S1000VX	BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN 1000W - LOẠI TẮT HẸN DẠNG HẠT RỜI DÙNG ĐỂ GẮN VÀO MẶT 1000W Dimmer Mechanism - W/ Switch	101.800

Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
PHỤ KIỆN DÙNG VỚI KIỂU S9; S18; S98 - ACCESSORIES FOR S9; S18; S98 TYPE			
	S30RJ40	Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI 4 DÂY 4 Wire Telephone Socket	41.500
	S30RJ64	Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI 6 DÂY 6 Wire Telephone Socket	43.500
	S30RJ88	Ổ CẮM MÁY TÍNH 8 DÂY 8 Wire Computer Socket	54.800
	S30RJ40W	Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI 4 DÂY - CÓ DÂY ĐẤU SẴN 4 Wire Telephone Socket - C/w Wiring	34.200
	SX	NÚT CHE TRƠN Mounded Removable Plug	3.200
	S30MI	CÔNG TẮC TRUNG GIAN ĐA CHIỀU 10A 10A Intermediate Switch	108.000
	S323V	HỘP ĐẬY PHÒNG THẨM NƯỚC CHO CÁC MẶT CÔNG TẮC CHỮ NHẬT Waterproof Cover for Plate Switch	85.500
	S323DV	HỘP ĐẬY PHÒNG THẨM NƯỚC CHO CÁC MẶT Ổ CẮM CHỮ NHẬT Waterproof Cover for Plate Socket	94.500
	S2157	ĐỂ ÂM TỰ CHỐNG CHÁY DÙNG CHO CÁC MẶT CHỮ NHẬT Fire Resistant Material Flush Box	3.860
	S2157H	ĐỂ ÂM TỰ CHỐNG CHÁY LOẠI SÂU DÙNG CHO CÁC MẶT CHỮ NHẬT Fire Resistant Deep Flush Box	5.500
	S157R	ĐỂ ÂM SẮT DÙNG CHO CÁC MẶT CHỮ NHẬT Metal Flush Box	7.000
	ST2157	ĐỂ ÂM SẮT DÙNG CHO ET2727 & ET1025N Metal Flush Box for ET2727 & ET1025N	23.000
	S2157/D	ĐỂ ÂM NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY DÙNG CHO CÁC MẶT CHỮ NHẬT - LOẠI ĐÔI Fire Resistant Double Flush Box	13.500

Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
PHỤ KIỆN DÙNG VỚI KIỂU S9; S18; S98 - ACCESSORIES FOR S9; S18; S98 TYPE			
	CK157/D	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO KIỂU S9; S18 - LOẠI ĐÔI Double Surface Box for S9; S18	16.600
	CK157	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO KIỂU S9 Surface Box for S9 Type	5.400
	CK157RL	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO KIỂU S18 - LOẠI THẤP (KT: 119X70X28) Surface Box for S18 (119x70x28)	4.600
	CK157RH	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO KIỂU S18 - LOẠI CAO (KT: 119X70X34) Surface Box for S18 (119x70x34)	5.000
	SK100/M	ĐỂ NỔI POLYCARBONATE CHỨA CẦU DAO (MCB) KIỂU MÔ-ĐUN (M) Polycarbonate Surface Box for MCB (Type M)	15.500
	ET238	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO ET1025N, ET2727 Surface Box for ET1025N, ET2727	18.800
	S238/D	ĐỂ NỔI NHỰA DÙNG CHO SERIES S98 - LOẠI ĐÔI Surface Double Box for S98 Series	18.800
	S2157/HA/HB	ĐỂ ÂM CHỨA MẶT ÁT HA, HB TỰ CHỐNG CHÁY Fire Resistant Material Flush Box for MCB-HA/HB	3.860
	S2157R	ĐỂ ÂM TỰ CHỐNG CHÁY LOẠI ĐẶC CHỦNG DÙNG CHO CÁC MẶT Ổ CẮM CHỮ NHẬT Self-extinguishing Flush Box with Saw-tooth	4.100
	FC2 - 63	ĐỂ ÂM CHỨA ÁT CÀI MCB LOẠI RỘNG Wide contain Flush Box for MCB	4.800

Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
PHỤ KIỆN DÙNG VỚI KIỂU S9; S18; S98 - ACCESSORIES FOR S9; S18; S98 TYPE			
	ST121/M	MẶT NHỰA CHỨA 1 MCB - KIỂU M Blank Plate For MCB - Single/ Type M	10.200
	ST122/M	MẶT NHỰA CHỨA 2 MCB - KIỂU M Blank Plate For MCB - Double/ Type M	10.200
	ST121/HA	MẶT NHỰA CHỨA 1 MCCB - KIỂU A Blank Plate For MCCB - Single/ Type A	10.200
	ST121/HB	MẶT NHỰA CHỨA 1 MCCB - KIỂU B Blank Plate For MCCB - Single/ Type B	10.200
	S18121/M	MẶT NHỰA CHỨA 1 MCB - KIỂU M Blank Plate For MCB - Single/ Type M	10.200
	S18122/M	MẶT NHỰA CHỨA 2 MCB - KIỂU M Blank Plate For MCB - Double/ Type M	10.200
	S18121/AB	MẶT NHỰA CHỨA 1 MCCB - KIỂU A VÀ B Blank Plate For MCCB - Single/ Type A & B	10.200
	SG100/M	ĐẾ ÂM NHỰA DÙNG CHO MẶT KIỂU M Flush Box for M Type Plate	3.000
	SG100/HA	ĐẾ ÂM NHỰA DÙNG CHO MẶT KIỂU A Flush Box for A Type Plate	3.000
	SG100/HB	ĐẾ ÂM NHỰA DÙNG CHO MẶT KIỂU B Flush Box for B Type Plate	3.000
	S9121 + SG100/M	MẶT VÀ ĐẾ ÂM TƯỜNG CHỨA 1 CẦU DAO (MCB) - KIỂU M Plush Box + Plate For 1 MCB (Type M)	13.200
	S9122 + SG100/M	MẶT VÀ ĐẾ ÂM TƯỜNG CHỨA 2 CẦU DAO (MCB) - KIỂU M Plush Box + Plate For 2 MCB (Type M)	13.200
	S9121 + SG100/HA	MẶT VÀ ĐẾ ÂM TƯỜNG CHỨA 1 CẦU DAO (MCCB) - KIỂU A Plush Box + Plate For 1 MCCB (Type A)	13.200
	S9121 + SG100/HB	MẶT VÀ ĐẾ ÂM TƯỜNG CHỨA 1 CẦU DAO (MCCB) - KIỂU B Plush Box + Plate For 1 MCCB (Type B)	13.200

Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
CÁC THIẾT BỊ KHÁC THUỘC KIỂU S3; S8 - OTHER PRODUCTS S3; S8 TYPE			
	S501	CÔNG TẮC DÙNG THẺ TỪ 16A - CÓ THỜI GIAN CHẬM 16A Saving Switch with Time Delay	288.000
	S3157L	ĐẾ ÂM NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY DÙNG CHO CÁC MẶT VUÔNG - LOẠI NÔNG (KT: 75X75X39) Fire Resistant Flush Box (Size: 75x75x39)	4.100
	S3157H	ĐẾ ÂM NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY DÙNG CHO CÁC MẶT VUÔNG - LOẠI SÂU (KT: 75X75X51) Fire Resistant Flush Box (Size: 75x75x51)	4.400
	S157S	ĐẾ ÂM SẮT DÙNG CHO CÁC MẶT VUÔNG (KT: 75X75X47) Metal Flush Box (Size: 75x75x47)	11.000
	S157L	ĐẾ ÂM SẮT DÙNG CHO CÁC MẶT VUÔNG LOẠI NÔNG (KT: 75X75X35) Metal Flush Box (Size: 75x75x35)	11.000
	S238	ĐẾ NỔI NHỰA TỰ CHỐNG CHÁY LOẠI VUÔNG DÙNG CHO KIỂU S3; S8, S98 Fire Resistant Surface Box for S3, S8, S98	5.000
	S223DV	HỘP ĐẬY KHÔNG THẤM NƯỚC DÙNG CHO MẶT Ổ CẮM VUÔNG Waterproof Cover for Plate Socket	86.000
	S223V	HỘP ĐẬY KHÔNG THẤM NƯỚC DÙNG CHO MẶT CÔNG TẮC VUÔNG Waterproof Cover for Plate Switch	78.000

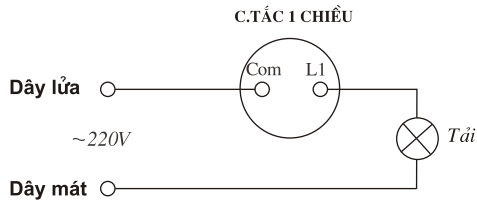
Kiểu Dáng Drawing	Mã Số Cat.No	Diễn Giải Description	Đơn Giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM SÀN VÀ PHỤ KIỆN - POP UP & ACCESSORIES			
	P001/1	MẶT Ổ CẮM SÀN LOẠI VUÔNG Pop - Up Socket Plate - Square Type	542.800
	P001/2	MẶT Ổ CẮM SÀN LOẠI TRÒN Pop - Up Socket Plate - Round Type	542.800
	U001	HẠT Ổ CẮM SÀN 2 CHẤU 10A 10A 2 Pin Socket Pop - Up	11.800
	U002	HẠT Ổ CẮM SÀN 3 CHẤU ĐA NĂNG 10A 10A 3 Pin Socket Pop - Up	30.000
	U003	HẠT Ổ CẮM SÀN 3 CHẤU CHÉO 10A 10A 3 Flat Pin Australia Socket For Pop - Up	26.800
	U004	HẠT Ổ CẮM SÀN DỆT CÓ DÂY ĐẤT 10A 3 Flat Pin Socket For Pop - Up	26.800
	U005	MÔ-ĐUN NỐI DÂY CHO Ổ CẮM SÀN Cable Connector Modular For Pop Up	16.800
	UPH4	HẠT Ổ CẮM SÀN ĐIỆN THOẠI 4 DÂY 4 Wire Telephone Modular Jack For Pop Up	30.000
	UPH8	HẠT Ổ CẮM SÀN MÁY TÍNH 8 DÂY 8 Wire Computer Socket	35.400
	UTV	Ổ CẮM SÀN ĂNG TEN TV Television Terminal For Pop Up	41.400
	UBL	NÚT CHE TRÒN Mounded Removable Plug For Pop Up	4.200

SƠ ĐỒ ĐẦU 1 SỐ PHỤ KIỆN CÔNG TẮC Ổ CẮM

Accessories Wiring Diagram

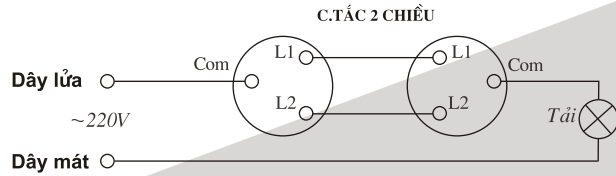
CÔNG TẮC 1 CHIỀU (S101)

1 Way Switch



CÔNG TẮC 2 CHIỀU (S102)

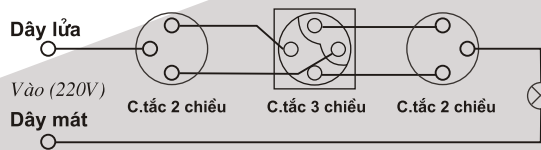
2 Way Switch



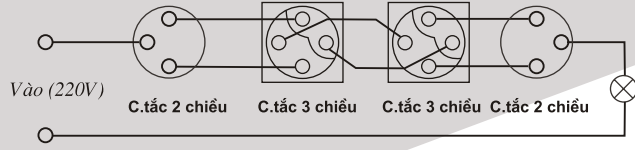
CÔNG TẮC 3 CHIỀU (S103)

Intermediated Mechanisms

(Bật tắt 3 vị trí)

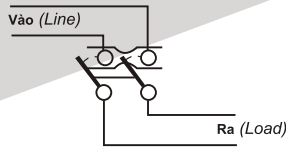


(Bật tắt 4 vị trí)



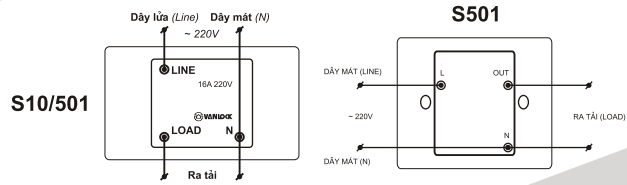
CÔNG TẮC 2 CỰC/ BÌNH NÓNG LẠNH (S10220)

20A Double Poles Switch



SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY CÔNG TẮC THỂ TỪ

Saving Switch

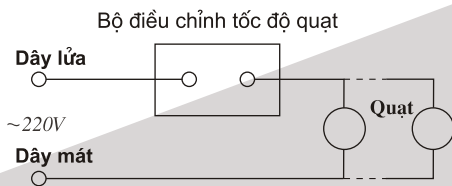


Lưu ý (Note): Dòng điện của phụ tải ≤ 16A
Load current ≤ 16A

BỘ ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ QUẠT

(S18/302; S400VX)

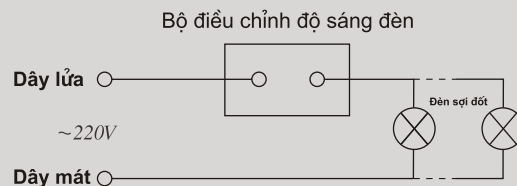
Fan Control Mechanisms



BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN

(S18/301; S18/303; S500VX; S1000VX)

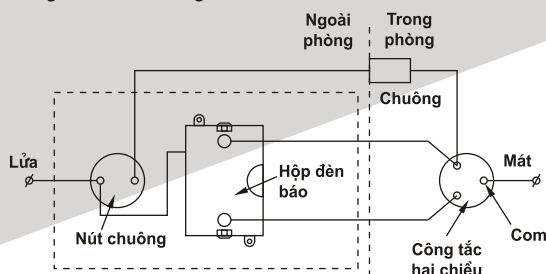
Dimmer Mechanisms



NÚT CHUÔNG BÁO "XIN VỆ SINH PHÒNG VÀ BÁO KHÔNG QUẤY RẦY" (S18BPDM)

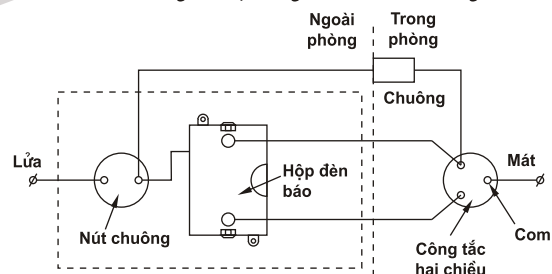
Bell Push with Indicator "Please Clean Up & Do Not Disturb"

Đèn xanh hoặc đèn đỏ
chỉ sáng khi bấm chuông



Lưu ý: -Khi người trong phòng xin vệ sinh phòng thì bật công tắc lên, đèn xanh sáng, khi đó người dọn phòng bấm chuông thì chuông sẽ kêu
-Khi người trong phòng không muốn bị quấy rầy thì bật công tắc xuống đèn đỏ sáng, khi đó người dọn phòng bấm chuông thì chuông sẽ không kêu

Đèn xanh luôn sáng khi bật công tắc hai chiều lên
Đèn đỏ luôn sáng khi bật công tắc hai chiều xuống



Lưu ý: -Khi người trong phòng xin vệ sinh phòng thì bật công tắc lên, đèn xanh sáng, khi đó người dọn phòng bấm chuông thì chuông sẽ kêu
-Khi người trong phòng không muốn bị quấy rầy thì bật công tắc xuống đèn đỏ sáng, khi đó người dọn phòng bấm chuông thì chuông sẽ không kêu



Ổ CẮM, CÔNG TẮC VÀ PHỤ KIỆN

Dãy sản phẩm

S18/S9/S98 Series



Giải Vàng
chất lượng Quốc tế tại
Geneva, Thụy Sĩ
Tháng 10/2002



Giải Bạch kim
chất lượng Quốc tế
tại New York - Mỹ
Tháng 6/2005

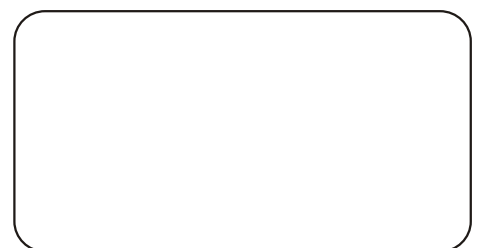


Giải Kim cương
Chất lượng Quốc tế
tại PARIS - Pháp
Tháng 9/2006





Distributed by:



Công ty SINO VIỆT NAM
SINO.VINA Company Limited